ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 2365 /QĐ - UBND	*Bình Phước, ngày 29 tháng 11 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại khu vực 2, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 21/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 9/04/2007 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 30/12/2012 về việc thu hồi đất Ban QLRKT Suối Nhung quản lý, chấp thuận cho chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất và cấp GCNQSD đất cho Công ty Cổ phần Môi trường Bình Phước để xây dựng Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và nguy hại tập trung;

Căn cứ Quyết định số 493/QĐ-UBND ngày 14/3/2012 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại khu vực 2, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 850/TTr-SXD ngày 24/10/2012,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỉ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại khu vực 2, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, do Công ty TNHH Thiết kế Đầu tư Xây dựng Tư vấn Sài Việt lập, với các nội dung cụ thể như sau:

1. Phạm vi ranh giới, quy mô diện tích.

a) Phạm vi ranh giới khu vực thiết kế quy hoạch chi tiết:

Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại khu vực 2, toạ lạc tại xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, có tứ cận giáp ranh:

- Phía Bắc: Giáp đường huyện Đồng Tiến - Tân Hòa.

- Phía Nam: Giáp đất nhà vườn.

- Phía Đông: Giáp nhà vườn và Suối Binh.

- Phía Tây: Giáp đất nhà vườn.

b) Quy mô diện tích khu đất quy hoạch: 35.579,500 m^2.

2. Tính chất: Xử lý rác công nghiệp và chất thải nguy hại cho các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh và các khu vực lân cận.

3. Tổ chức không gian quy hoạch và kiến trúc cảnh quan:

a) Đất khu hành chính: Đất hành chính được quy hoạch với diện tích 9.187 m^2 chiếm 2,58 % diện tích khu quy hoạch.

b) Đất bãi xe tập trung + TDTT: Đất bãi xe tập trung và thể thao được quy hoạch với diện tích 10.047 m^2 chiếm 2,82 % diện tích khu quy hoạch.

c) Đất khu kỹ thuật: Đất khu kỹ thuật được quy hoạch với diện tích 16.280 m^2 chiếm 4,58 % diện tích khu quy hoạch.

d) Đất khu tiếp nhận rác: Đất xây dựng khu tiếp nhận rác được quy hoạch với diện tích 94.342 m^2 chiếm 26,52 % diện tích khu quy hoạch.

e) Đất khu chưng cất lỏng: Đất xây dựng khu chưng cất lỏng được quy hoạch với diện tích 19.431 m^2 chiếm 5,46 % diện tích khu quy hoạch.

f) Đất khu luyện kim: Đất khu luyện kim được quy hoạch 15.326 m^2 chiếm 4,31 % diện tích khu quy hoạch.

g) Đất kho thành phẩm: Đất xây dựng kho thành phẩm được quy hoạch 14.754 m^2 chiếm 4,15% diện tích khu quy hoạch.

h) Đất khu lo đốt: Đất xây dựng khu lò đốt được quy hoạch với diện tích 22.375 m^2 chiếm 6,29 % diện tích khu quy hoạch.

i) Đất khu lưu trữ ngầm: Đất khu lưu trữ ngầm được quy hoạch với diện tích 12.030 m^2 chiếm 3,38 % diện tích khu quy hoạch.

k) Đất khu hồ sinh thái: Đất xây dựng hồ sinh thái được quy hoạch với diện tích 25.073 m^2 chiếm 7,05 % diện tích khu quy hoạch.

l) Đất khu xử lý nước thải và sân phơi bùn: Đất khu xử lý nước thải được quy hoạch với diện tích 12.633 m^2 chiếm 3,55 % diện tích khu quy hoạch.

m) Đất cây xanh cách ly: Đất xây dựng cây xanh được quy hoạch với diện tích 57.017 m^2 chiếm 16,03 % diện tích khu quy hoạch.

n) Đất giao thông sân bãi: Đất xây dựng giao thông sân bãi được quy hoạch với diện tích 47.300 m^2 chiếm 13,29 % diện tích khu quy hoạch.

4. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất.

STT	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
1	Đất khu hành chính	9.187	2,58
2	Đất bãi xe tập trung + TDTT	10.047	2,82
3	Đất khu kỹ thuật	16.280	4,58
4	Đất khu tiếp nhận rác	94.342	26,52
5	Đất khu chưng cất lỏng	19.431	5,46
6	Đất khu luyện kim	15.326	4,31
7	Đất kho thành phẩm	14.754	4,15
8	Đất khu lo đốt	22.375	6,29
9	Đất khu lưu trữ ngầm	12.030	3,38
10	Đất khu hồ sinh thái	25.073	7,05
11	Đất khu xử lý nước thải và sân phơi bùn	12.633	3,55
12	Đất cây xanh	57.017	16,03
13	Đất giao thông, sân bãi	47.300	13,29
	Tổng cộng	**355.795**	**100**

5. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

5.1. Quy hoạch san nền và thoát nước mưa

a) San nền: Địa hình khu quy hoạch tương đối phức tạp, dốc thoải nhấp nhô, lồi lõm tạo thành các khe tụ thủy, do đó cần bám sát địa hình tự nhiên, san nền cục bộ từng khu vực để giảm khối lượng đào, đắp, đồng thời tận dụng khối lượng đào chuyển sang khu vực đắp nhằm tiết giảm chi phí.

b) Thoát nước mưa: Mạng lưới thoát nước mưa trong khu quy hoạch được thiết kế cống ngầm bám theo hướng dốc địa hình đảm bảo thoát nước tốt.

- Nước mưa được thu vào các hố ga chảy xuống cống bố trí dọc các tuyến đường nội bộ và thu gom về khu xử lý nước thải.

- Hướng thoát nước chính khu quy hoạch là hướng Nam và chảy ra Suối Binh qua cửa xả.

5.2) Giao thông

- Mạng lưới giao thông nội bộ trong khu quy hoạch được bố trí theo dạng lưới ô vuông, các tuyến chính khu quy hoạch được nối với đường huyện Đồng Tiến - Tân Hòa tạo sự liên thông và giao thương thuận lợi.

- Các tuyến đường N1, N2, N3, N4, N5, N6 có lộ giới 13 m; trong đó: Mặt đường rộng 7 m, vỉa hè mỗi bên rộng 3 m. (mặt cắt 1-1).

5. 3. Quy hoạch cấp nước

a) Nhu cầu dùng nước:

STT	Mục đích dùng nước	Tiêu chuẩn	Lưu lượng m^3/ngàyđêm
1	Nước sinh hoạt	10 lít/ m^2sàn	22,5
2	Nước cấp cho khu vực sản xuất	22 m^3/ha	418,88
3	Nước tưới cây rửa đường	10% (1+2)	44,14
4	Nước chữa cháy	10 lít/s/1 đám cháy	108
5	Nước rỏ rỉ dự phòng	15% (1+2+3+4)	89,03
	Tổng nhu cầu dùng nước		**682,55 m^3/ngày đêm**

b) Nguồn nước: Sử dụng nguồn nước từ giếng khoan theo hệ thống: giếng khoan - bể chứa - đài nước sau đó cấp cho khu quy hoạch.

c) Mạng lưới cấp nước

- Thiết kế mạng lưới đường ống cấp nước HDPE có đường kính từ D110 - D160 nối thành mạch vòng khép kín phục vụ cung cấp nước cho toàn khu quy hoạch.

- Bố trí các trụ cứu hỏa D100 dọc các tuyến đường và tại các giao lộ ngã ba, ngã tư trong khu quy hoạch với khoảng cách giữa hai trụ là 150 m.

5.4. Quy hoạch cấp điện

a) Phụ tải

- Tổng điện năng yêu cầu: 6.785,89 KW.

- Tổng công suất điện yêu cầu: 5.189,21 KW.

b) Nguồn và lưới điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện cấp cho khu quy hoạch được lấy từ QL 14 vào khu quy hoạch khoảng 2 km.

- Lưới điện: Xây dựng mới các tuyến trung thế dạng mạch vòng khép kín. Bố trí trên các trụ bê tông ly tâm cao 14m.

- Xây dựng các tuyến hạ thế 0,4 KV đi trên trụ bê tông cao 8 m, sử dụng cáp nhôm bọc cách điện để phục vụ cung cấp điện chiếu sáng và sinh hoạt.

5.5. Hệ thống thông tin liên lạc

- Hệ thống tin liên lạc cho khu quy hoạch là hệ thống được ghép nối vào mạng viễn thông của bưu điện tỉnh Bình Phước.

- Hệ thống nội bộ ở đây sẽ là một mạng cáp điện thoại có dung lượng lớn để đáp ứng đầy đủ các nhu cầu về viễn thông cho khu quy hoạch.

6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường

a) Thoát nước thải:

Nước thải trong khu quy hoạch chủ yếu gồm nước thải khu hành chính, khu xử lý rác, khu luyện kim, khu kỹ thuật, khu chưng cất chất lỏng, khu lò đốt và khu tiếp nhận rác- phân loại-xử lý.

Hệ thống thoát nước thải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa và đưa về trạm xử lý ở phía Nam khu quy hoạch.

b) Giải pháp thiết kế thoát nước thải: Hệ thống được thiết kế riêng và chia làm hai phần:

- Lưu lượng nước thải của khu hành chính và các khu vực khác lấy bằng 80% lượng nước cấp.

- Nước thải của khu ủ lên men được thu gom bằng hệ thống mương bê tông có nắp đan đục lỗ bố trí hai bên và chảy vào hệ thống thu gom nước thải chung chạy dọc đường.

Toàn bộ lượng nước thải của khu quy hoạch được dẫn bằng hệ thống cống bê tông cốt thép về trạm xử lý nước thải ở phía Nam khu đất.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao Công ty Cổ phần Môi trường Bình Phước là chủ đầu tư phối hợp với UBND huyện Đồng Phú tổ chức:

a) Công bố đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Nhà máy xử lý rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại khu vực 2, xã Đồng Tiến, huyện Đồng Phú. Đồng thời tiến hành cắm mốc ngoài thực địa các khu chức năng của khu quy hoạch, để các tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan được biết thực hiện.

b) Thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và giải quyết đất tái định cư cho các hộ dân giải tỏa đền bù (nếu có) theo đúng các quy định hiện hành.

c) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND huyện Đồng Phú tổ chức lập và triển khai dự án đầu tư theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Giao thông vận tải, Tài nguyên và Môi trường; Chủ tịch UBND huyện Đồng Phú; Công ty Cổ phần Môi trường Bình Phước; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT;
- Như điều 3;
- LĐVP, P.KTN;
- Lưu VT.(Trung) 10

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Lợi